

# Deloitte.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC MIỀN NAM**  
*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 19

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Bà Đỗ Thị Huyền	Chủ tịch
Ông Hoàng Việt Hưng	Ủy viên
Ông Đinh Việt An	Ủy viên
Bà Dương Mai Hoa	Ủy viên
Ông Đinh Thanh Phương	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Hoàng Việt Hưng	Giám đốc
Ông Bùi Đình Bá	Phó Giám đốc
Ông Dương Thế Nhân	Phó Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài



Ông Hoàng Việt Hưng đại diện cho Ban Giám đốc,

**Hoàng Việt Hưng**  
Giám đốc

Ngày 04 tháng 02 năm 2017

Số: 406 /VN1A-HN-BC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 04 tháng 02 năm 2017, từ trang 4 đến trang 19, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Trần Xuân Anh**  
**Giám đốc Kiểm toán**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0723-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 04 tháng 02 năm 2017  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Phạm Quỳnh Hoa**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0910-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>38.972.807.334</b>	<b>62.782.402.814</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2.333.336.347</b>	<b>6.353.211.953</b>
1. Tiền	111	5	2.333.336.347	6.353.211.953
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11.421.069.601</b>	<b>20.349.582.060</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	14.958.739.510	22.065.547.214
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		33.000.000	102.500.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		929.447.158	1.531.784.250
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(4.500.117.067)	(3.350.249.404)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>24.750.127.519</b>	<b>32.230.173.058</b>
1. Hàng tồn kho	141		25.303.848.309	32.230.173.058
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(553.720.790)	-
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>468.273.867</b>	<b>3.849.435.743</b>
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		313.488.278	783.420.112
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	154.785.589	3.066.015.631
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.707.875.867</b>	<b>4.592.144.732</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.232.613.185</b>	<b>3.977.469.055</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	3.159.222.560	3.889.640.930
- Nguyên giá	222		21.448.924.978	21.190.924.978
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.289.702.418)	(17.301.284.048)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	73.390.625	87.828.125
- Nguyên giá	228		115.500.000	115.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(42.109.375)	(27.671.875)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>475.262.682</b>	<b>614.675.677</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		475.262.682	614.675.677
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>42.680.683.201</b>	<b>67.374.547.546</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>18.803.119.087</b>	<b>32.404.458.837</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>18.803.119.087</b>	<b>32.404.458.837</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	18.372.890.780	25.294.905.142
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		315.000	315.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	6.730.011	28.002.543
4. Phải trả người lao động	314		12.238.443	8.154.621
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		25.000.000	302.961.647
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		385.944.853	177.098.332
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	-	6.579.491.960
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	13.529.592
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>23.877.564.114</b>	<b>34.970.088.709</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>23.877.564.114</b>	<b>34.970.088.709</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.000.000.000	40.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		908.649.532	908.649.532
3. (Lỗ) lũy kế	421		(17.031.085.418)	(5.938.560.823)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(5.938.560.823)	(5.951.135.418)
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(11.092.524.595)	12.574.595
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>42.680.683.201</b>	<b>67.374.547.546</b>

*[Handwritten signature]*

**Bùi Thị Hương**  
Người lập biểu

Ngày 04 tháng 02 năm 2017

*[Handwritten signature]*

**Vũ Thị Nhân**  
Kế toán trưởng



**Hoàng Việt Hưng**  
Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	174.402.154.829	348.413.165.943
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	16	9.181.585	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		174.392.973.244	348.413.165.943
4. Giá vốn hàng bán	11	17	172.397.381.924	336.870.245.921
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.995.591.320	11.542.920.022
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		26.449.269	50.264.215
7. Chi phí tài chính	22		85.960.453	91.836.066
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		83.669.736	91.836.066
8. Chi phí bán hàng	25		4.142.879.683	3.125.701.226
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		7.367.883.461	8.404.022.350
10. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(9.574.683.008)	(28.375.405)
11. Thu nhập khác	31		-	47.850.000
12. Chi phí khác	32		1.517.841.587	6.900.000
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1.517.841.587)	40.950.000
14. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(11.092.524.595)	12.574.595
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	-	-
16. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(11.092.524.595)	12.574.595
17. (Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	(2.773)	3

**Bùi Thị Hương**  
Người lập biểu

Ngày 04 tháng 02 năm 2017

**Vũ Thị Nhân**  
Kế toán trưởng



**Hoàng Việt Hưng**  
Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01	(11.092.524.595)	12.574.595
2. <b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.002.855.870	1.078.974.534
Các khoản dự phòng	03	1.703.588.453	543.553.880
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(26.449.259)	(50.264.215)
Chi phí lãi vay	06	83.669.736	91.836.066
3. (Lỗ)/Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(8.328.859.795)	1.676.674.860
Thay đổi các khoản phải thu	09	10.924.252.832	(5.718.837.967)
Thay đổi hàng tồn kho	10	6.926.324.749	(9.905.946.311)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(7.002.025.052)	2.521.761.251
Thay đổi chi phí trả trước	12	139.412.995	(207.737.417)
Tiền lãi vay đã trả	14	(103.492.474)	(72.013.328)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	235.553.840	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.791.167.095	(11.706.098.912)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(258.000.000)	(1.164.376.280)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.457.200.000)	(7.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.457.200.000	7.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	26.449.259	50.264.215
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(231.550.741)	(1.114.112.065)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	636.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	3.000.000.000	15.869.491.960
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(9.579.491.960)	(9.290.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.579.491.960)	7.215.491.960
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(4.019.875.606)	(5.604.719.017)
Tiền đầu năm	60	6.353.211.953	11.957.930.970
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	2.333.336.347	6.353.211.953

*gml*

*Nhà*



**Bùi Thị Hương**  
Người lập biểu

**Vũ Thị Nhân**  
Kế toán trưởng

**Hoàng Việt Hưng**  
Giám đốc

Ngày 04 tháng 02 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam, được chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2011 theo Quyết định số 946/QĐ-DMC của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP ngày 26 tháng 4 năm 2011. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 9 số 3500850392 ngày 12 tháng 5 năm 2014; theo đó, vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 VND, tương đương 4.000.000 cổ phần. Trong đó:

- Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP nắm giữ 2.040.000 cổ phần tương đương với 20.400.000.000 VND, chiếm 51% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 1.960.000 cổ phần tương đương với 19.600.000.000 VND, chiếm 49% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 117 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 135 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Sản xuất dung dịch khoan và hóa phẩm dầu khí, xi măng giếng khoan và các chất dùng cho khoan thăm dò, khai thác dầu khí, công nghiệp giấy, công nghiệp luyện cán thép;
- Mua bán hóa chất, mua bán thiết bị, nguyên vật liệu, vật tư cho sản xuất dung dịch khoan, khai thác, chế biến dầu khí, công nghiệp giấy.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm 2016, cổ đông chính/công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP đã chuyển nhượng 1.508.300 cổ phần, tương đương 37,71% vốn điều lệ của Công ty cho Công ty Cổ phần Sản xuất và Xuất nhập khẩu Phú Thịnh.

#### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### **3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Năm 2016</b>
	<b>(Số năm)</b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 12
Phương tiện vận tải	6 - 8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

**Các khoản trả trước**

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

##### **Trợ cấp thôi việc phải trả**

Công ty không trích trước trợ cấp thôi việc cho nhân viên mà thực hiện ghi nhận chi phí vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi chi trả thực tế cho nhân viên thôi việc.

##### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

##### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

##### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các khoản lỗ tính thuế là khoảng 17 tỷ đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 5,9 tỷ đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận cho khoản lỗ này vì Công ty không chắc chắn về khoản lợi nhuận trong tương lai.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	30.681.430	272.727.681
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.302.654.917	6.080.484.272
<b>Cộng</b>	<b>2.333.336.347</b>	<b>6.353.211.953</b>

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Dầu khí Phúc An	5.749.338.314	5.749.338.314
Các khách hàng khác	1.257.869.909	1.101.196.895
<b>Cộng</b>	<b>7.007.208.223</b>	<b>6.850.535.209</b>
<b>b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 21)</b>	<b>7.951.531.287</b>	<b>15.215.012.005</b>
<b>Cộng</b>	<b>14.958.739.510</b>	<b>22.065.547.214</b>

**7. NỢ XẤU**

	<b>Số cuối năm</b>			<b>Số đầu năm</b>		
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi</b>	<b>Thời gian</b>
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Dầu khí Phúc An	5.749.338.314	1.724.801.494	Từ 2 đến 3 năm	5.749.338.314	2.874.669.157	Từ 1 đến 2 năm
Các đối tượng khác	475.580.247	-	Trên 3 năm	475.580.247	-	Trên 3 năm
<b>Cộng</b>	<b>6.224.918.561</b>	<b>1.724.801.494</b>		<b>6.224.918.561</b>	<b>2.874.669.157</b>	

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
Nguyên liệu, vật liệu	14.042.216.847	-	18.033.420.650	-
Công cụ, dụng cụ	1.317.763.961	-	2.324.991.846	-
Thành phẩm	7.776.841.220	553.720.790	7.425.899.399	-
Hàng hoá	2.167.026.281	-	4.445.861.163	-
<b>Cộng</b>	<b>25.303.848.309</b>	<b>553.720.790</b>	<b>32.230.173.058</b>	-

**9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	7.121.796.510	6.155.436.623	7.847.440.297	66.251.548	21.190.924.978
Mua sắm mới	-	258.000.000	-	-	258.000.000
Số dư cuối năm	7.121.796.510	6.413.436.623	7.847.440.297	66.251.548	21.448.924.978
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	6.864.008.951	5.579.253.187	4.791.770.362	66.251.548	17.301.284.048
Khấu hao trong năm	177.324.340	110.603.110	700.490.920	-	988.418.370
Số dư cuối năm	7.041.333.291	5.689.856.297	5.492.261.282	66.251.548	18.289.702.418
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	257.787.559	576.183.436	3.055.669.935	-	3.889.640.930
Tại ngày cuối năm	80.463.219	723.580.326	2.355.179.015	-	3.159.222.560

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 12.844.090.022 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: là 11.654.989.622 VND).

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu năm	115.500.000
Số dư cuối năm	115.500.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu năm	27.671.875
Khấu hao trong năm	14.437.500
Số dư cuối năm	42.109.375
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày đầu năm	87.828.125
Tại ngày cuối năm	73.390.625

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải thu trong năm	Số đã thực thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Các khoản phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	2.911.230.042	-	2.911.230.042	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	154.785.589	-	-	154.785.589
<b>Cộng</b>	<b>3.066.015.631</b>	<b>-</b>	<b>2.911.230.042</b>	<b>154.785.589</b>

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>b) Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	1.007.902.451	1.007.902.451	-
Thuế thu nhập cá nhân	28.002.543	417.730.559	439.003.091	6.730.011
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	235.553.840	235.553.840	-
<b>Cộng</b>	<b>28.002.543</b>	<b>1.661.186.850</b>	<b>1.682.459.382</b>	<b>6.730.011</b>

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Sản xuất và Xuất nhập khẩu Phú Thịnh			6.900.000.000	6.900.000.000
Các đối tượng khác	3.395.862.709	3.395.862.709	5.504.731.901	5.504.731.901
<b>Cộng</b>	<b>3.395.862.709</b>	<b>3.395.862.709</b>	<b>12.404.731.901</b>	<b>12.404.731.901</b>
<b>b) Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chỉ tiết tại Thuyết minh số 21)</b>				
	14.977.028.071	14.977.028.071	12.890.173.241	12.890.173.241
<b>Cộng</b>	<b>18.372.890.780</b>	<b>18.372.890.780</b>	<b>25.294.905.142</b>	<b>25.294.905.142</b>



**13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<b>Số đầu năm VND</b>		<b>Trong năm VND</b>	<b>Số cuối năm VND</b>
	<b>Giá trị/Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Tăng</b>	<b>Giảm</b>	<b>Giá trị/Số có khả năng trả nợ</b>
Vay ngắn hạn	6.579.491.960	3.000.000.000	9.579.491.960	-
<b>Cộng</b>	<b>6.579.491.960</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>9.579.491.960</b>	<b>-</b>

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn góp của chủ sở hữu VND</b>	<b>Quý đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lỗ lũy kế VND</b>	<b>Cộng VND</b>
Số dư đầu năm trước	39.364.000.000	908.649.532	(5.951.135.418)	34.321.514.114
Lợi nhuận trong năm	-	-	12.574.595	12.574.595
Tăng vốn trong năm	636.000.000	-	-	636.000.000
Số dư đầu năm nay	40.000.000.000	908.649.532	(5.938.560.823)	34.970.088.709
Lỗ trong năm	-	-	(11.092.524.595)	(11.092.524.595)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>908.649.532</b>	<b>(17.031.085.418)</b>	<b>23.877.564.114</b>

**Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (thay đổi lần thứ 9), vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 VND, tương đương 4.000.000 cổ phần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	<b>Vốn đã góp</b>	
	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (*)	20.400.000.000	35.483.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Xuất nhập khẩu Phú Thịnh	15.083.000.000	-
Cổ đông khác	4.517.000.000	4.517.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>

(\*) Vốn đã góp của Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP bao gồm 5.483.000.000 VND là vốn góp bằng tiền, giá trị vốn góp còn lại là bằng tài sản và các khoản công nợ.

**15. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh nhiên liệu rắn, lỏng, khí, than đá, dầu mỏ, dầu thô, dầu nhờn, phân bón, tơ, xơ, sợi dệt, cao su, chất dẻo dạng nguyên sinh và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong công nghiệp, các loại hình kinh doanh dịch vụ khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong hoạt động của Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh nói trên.

**16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	162.069.346.217	320.656.965.025
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.332.808.612	27.756.200.918
	<b>174.402.154.829</b>	<b>348.413.165.943</b>
Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 21)	79.010.410.734	107.388.135.590
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	9.181.585	-
	<b>9.181.585</b>	-

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	165.105.406.744	322.636.587.940
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.291.975.180	14.233.657.981
	<b>172.397.381.924</b>	<b>336.870.245.921</b>

**18. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.945.377.273	22.405.871.483
Chi phí nhân công	11.102.873.348	11.787.159.601
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.002.855.870	1.078.974.534
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.687.718.008	15.852.501.951
Chi phí khác bằng tiền	7.032.351.930	7.591.980.210
	<b>47.771.176.429</b>	<b>58.716.487.779</b>

**19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	(11.092.524.595)	12.574.595
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Chuyển lỗ</i>	-	(12.574.595)
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%</i>	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

**20. (LỖ)/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>(LỖ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>(11.092.524.595)</b>	<b>12.574.595</b>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(11.092.524.595)	12.574.595
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu)	4.000.000	3.976.825
<b>(LỖ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(2.773)</b>	<b>3</b>

**21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan có số dư và giao dịch chủ yếu trong năm:**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sản xuất và Xuất nhập khẩu Phú Thịnh	Cổ đông lớn
Chi nhánh Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP - Công ty TNHH Một thành viên Dung dịch khoan và Dịch vụ giếng khoan	Chi nhánh thuộc Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí - CTCP - Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ Kỹ thuật	Chi nhánh thuộc Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP tại thành phố Hồ Chí Minh	Chi nhánh thuộc Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hóa phẩm dầu khí DMC - Miền Bắc	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hóa phẩm dầu khí DMC - Miền Trung	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH Dung dịch khoan M-I Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Liên doanh Dịch vụ BJ-PV Drilling	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

**21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bán hàng</b>	<b>66.824.540.141</b>	<b>80.126.267.968</b>
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí - CTCP	218.667.280	4.298.772.094
Công ty Cổ phần Sản xuất và Xuất nhập khẩu Phú Thịnh	35.517.715.196	-
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	75.000.000	56.000.000
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc	-	259.950.000
Công ty TNHH Dung dịch khoan M-I Việt Nam	8.755.125.777	18.001.307.086
Chi nhánh Tổng Công ty dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP - Công ty TNHH Một thành viên Dung dịch khoan và Dịch vụ giếng khoan	6.790.595.756	37.683.270.000
Chi nhánh Tổng công ty dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP -Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ Kỹ thuật	438.048.675	-
Chi nhánh Tổng Công ty Dung Dịch Khoan và Hóa Phẩm Dầu Khí - CTCP tại thành phố Hồ Chí Minh	318.255.000	-
Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro	7.872.342.750	4.758.420.000
Công ty Liên doanh Dịch vụ BJ-PV Drilling	3.673.194.707	6.577.046.788
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí	3.165.595.000	6.084.615.000
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	-	2.406.887.000
<b>Cung cấp dịch vụ</b>	<b>12.185.870.593</b>	<b>27.261.867.622</b>
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	6.816.284.840	11.734.013.237
Công ty TNHH Dung dịch khoan M-I Việt Nam	3.753.171.729	3.918.307.205
Chi nhánh Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP -Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ Kỹ thuật	64.478.849	-
Chi nhánh Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP tại thành phố Hồ Chí Minh	104.174.200	-
Chi nhánh Tổng Công ty dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP - Công ty TNHH Một thành viên Dung dịch khoan và Dịch vụ giếng khoan	1.447.760.975	11.609.547.180
<b>Mua nguyên vật liệu, hàng hóa</b>	<b>22.797.801.804</b>	<b>4.136.500.200</b>
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	1.820.109.000	4.131.097.700
Công ty Cổ phần Sản xuất và Xuất nhập khẩu Phú Thịnh	20.816.892.054	-
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc	-	5.402.500
Công ty Liên doanh Dịch vụ BJ-PV Drilling	160.800.750	-
<b>Mua dịch vụ</b>	<b>6.363.890.000</b>	<b>13.030.742.833</b>
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	5.900.000.000	12.555.542.833
Chi nhánh Tổng Công ty dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP - Công ty TNHH Một thành viên Dung dịch khoan và Dịch vụ giếng khoan	-	475.200.000
Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro	324.030.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	139.860.000	-

**21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:**

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
<b>Các khoản phải thu</b>		
Chi nhánh Tổng Công ty dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP - Công ty TNHH Một thành viên Dung dịch khoan và Dịch vụ giếng khoan	1.803.956.762	12.142.175.597
Công ty Cổ phần Sản xuất và Xuất nhập khẩu Phú Thịnh	13.090.000	-
Chi nhánh Tổng Công ty dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP - Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ Kỹ thuật	13.560.734	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	862.409.600	1.243.734.500
Công ty TNHH Dung dịch Khoan MI - Việt Nam	1.167.158.406	683.043.262
Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ - PV Drilling	1.881.910.360	72.717.146
Liên Doanh Việt - Nga Vietsovpetro	2.209.445.425	-
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	-	1.073.341.500
<b>Cộng</b>	<b><u>7.951.531.287</u></b>	<b><u>15.215.012.005</u></b>
<b>Các khoản phải trả</b>		
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	12.258.421.071	12.690.473.741
Công ty Cổ phần Sản xuất và Xuất nhập khẩu Phú Thịnh	1.958.848.000	-
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	257.433.000	199.699.500
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	348.480.000	-
Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	153.846.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>14.977.028.071</u></b>	<b><u>12.890.173.241</u></b>

**Thu nhập của Ban Giám đốc**

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> <b>VND</b>	<u>Năm trước</u> <b>VND</b>
Lương, thưởng và các khoản lợi ích khác	609.747.612	917.833.520



**Bùi Thị Hương**  
Người lập biểu



**Vũ Thị Nhân**  
Kế toán trưởng



  
**Hoàng Việt Hưng**  
Giám đốc

Ngày 04 tháng 02 năm 2017